

Bản án số: 873/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 27-9-2018
V/v: Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Huỳnh Duy Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

Do Bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4142/2018/QĐDS-PT ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1974

Địa chỉ: FF 11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Hồng S và Luật sư Phạm Ngọc T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông P K, sinh năm 1972

Địa chỉ: FF 11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Văn Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 102 đường L, Phường R, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đàm Bảo O – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần Tập đoàn P

Địa chỉ: 1/48 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Quốc A (xin vắng mặt)

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

Địa chỉ: Kho 6 Lô O, 3A Đường U, khu công nghiệp B, phường C, thị xã D, tỉnh E.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn I, sinh năm 1971 (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh Nh

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án Nh sau:

* Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh Nh trình bày:

Bà và ông P K đã ly hôn theo Quyết định số 132/2015/CNTT-HNGĐ-ST ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân Quận M. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông P K có các tài sản chung gồm: Căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty cổ phần Tập đoàn P; Cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty TNHH G. Nay bà Trần Thị Quỳnh Nh yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ các tài sản trên.

Bà Trần Thị Quỳnh Nh đồng ý giá trị của căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là 15.579.900.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2016, bà yêu cầu được nhận nhà và chịu trách nhiệm giao lại cho ông P K $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 7.789.950.000 đồng, số tiền này sẽ được trừ vào $\frac{1}{2}$ giá trị mà bà được chia từ cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty cổ phần Tập đoàn P là 4.205.000.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị mà bà được chia từ cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty TNHH G là 3.925.000.000 đồng. Tổng cộng Trần Thị Quỳnh Nh yêu cầu được chia 15.919.950.000 đồng, bà Nh yêu cầu được nhận căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 15.579.900.000 đồng và ông P K còn phải thanh toán thêm cho bà số tiền 340.050.000 đồng.

* Bị đơn ông P K do bà Trần Thị Hồng F làm đại diện trình bày:

Ông P K và bà Trần Thị Quỳnh Nh đã ly hôn theo Quyết định số 132/2015/CNTT-HNGĐ-ST ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân Quận M. Trong thời kỳ hôn nhân, ông P K và bà Trần Thị Quỳnh Nh chỉ có căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng, nguồn tiền mua nhà là do ông P K vay mượn 300 lượng vàng và bán tài sản riêng của ông P K là căn nhà số 90 đường HL, Phường MN, Quận OP, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời ông P K bán căn nhà số 823 đường BC,

Phường DA, Quận RT để trả nợ và góp vốn vào Công ty Dệt may P và Công ty TNHH G.

Ông P K đồng ý giá trị của căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là 15.579.900.000 đồng và yêu cầu căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi bên trong việc tạo lập tài sản chung để chia theo tỷ lệ, cụ thể bà Nh hưởng 32% tương đương 5.000.000.000 đồng, ông P K hưởng 68% tương đương 10.579.000.000 đồng, đồng thời ông P K yêu cầu được nhận nhà vì ông không có nơi ở nào khác.

Đối với phần vốn góp tại Công ty cổ phần Tập đoàn P, ông P K đã chuyển Nhượng toàn bộ cổ phần vào ngày 24/01/2014 nên ông P K không còn là cổ đông của Công ty P.

Đối với phần vốn góp tại Công ty TNHH G, ông P K đã chuyển Nhượng toàn bộ cổ phần vào ngày 29/7/2014 nên ông P K không còn là cổ đông của Công ty G.

Do đó ông P K không đồng ý với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần của ông P K tại Công ty cổ phần Tập đoàn P và Công ty TNHH G

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G do ông Đỗ Văn ZX làm đại diện trình bày:

Ngày 29/7/2014, ông P K đã chuyển Nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty G nên thời điểm đó ông P K không còn cổ phần tại công ty. Do đó Công ty G không đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh Nh về việc chia cổ phần tại công ty.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn P do ông Tô Quốc TU làm đại diện trình bày:

Ngày 24/01/2014, ông P K đã chuyển Nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty P cho ông TK nên thời điểm đó ông P K không còn là cổ đông tại công ty. Do đó Công ty P không đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh Nh về việc chia cổ phần tại công ty.

Tại Bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 26/4/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 06/2018/QĐ-SCBSBA ngày 24/5/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 38, Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Bác yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh Nh đòi được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của ông P K có trong cổ phần của Công ty cổ phần Dệt may P (nay là Công ty cổ phần tập đoàn P) và yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của ông P K có trong cổ phần của Công ty TNHH G.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh Nh công nhận tài sản là nhà đất số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí

Minh là tài sản chung của ông P K và bà Trần Thị Quỳnh Nh tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Phân chia tài sản chung Nh sau:

- Bà Trần Thị Quỳnh Nh được hưởng số tiền là 5.000.000.000 đồng (tỉ lệ 32%); Ông P K được hưởng 10.579.900.000 đồng (tỉ lệ 68%).

- Giao nhà đất số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông P K sở hữu và sử dụng. Ông P K có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị P K Nh phần giá trị tài sản chung mà bà Nh được hưởng là 5.000.000.000 đồng. Ngay sau khi thanh toán xong cho bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 5.000.000.000 đồng, ông P K được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để xác lập quyền sở hữu riêng đối với nhà đất số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông P K cho bà Trần Thị Quỳnh Nh lưu trú tại nhà trong 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Quỳnh Nh có trách nhiệm giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7998/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/7/1999. Trường hợp bà Nh không giao lại bản chính Giấy chứng nhận, ông P K có quyền yêu cầu cơ quan chức năng thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/4/2018, bà Trần Thị Quỳnh Nh nộp đơn kháng cáo bản án.

Ngày 24/5/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 27/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh Nh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty cổ phần Tập đoàn P là 4.205.000.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty TNHH G là 3.925.000.000 đồng. Bà Nh yêu cầu được nhận nhà đồng thời yêu cầu ông P K thanh toán thêm cho bà 340.050.000 đồng tương ứng với $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản mà bà được hưởng.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí, bà Nh đồng ý với kháng nghị.

- Bị đơn ông P K do ông Hà Văn QU làm đại diện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong việc giao nộp tài liệu chứng cứ và ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án không đúng quy định. Về yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh Nh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà số FF11Bis đường

V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vì bị đơn không chứng minh được đã đóng góp công sức nhiều hơn trong việc tạo lập nhà. Đối với cổ phần tại Công ty cổ phần Tập đoàn P và Công ty TNHH G, ông P K đã tẩu tán tài sản trong thời kỳ hôn nhân, đây là tài sản chung vợ chồng nên bà Nh yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần đã bán là có căn cứ. Trong trường hợp án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng không thể khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông P K xác nhận căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng nhưng do ông P K có đóng góp công sức nhiều hơn trong việc tạo lập và sửa chữa căn nhà, nguồn tiền mua nhà là do ông P K vay mượn của người thân và bán tài sản riêng có trước khi kết hôn, do đó tính công sức nhiều hơn cho ông P K là có căn cứ. Đối với cổ phần tại Công ty cổ phần Tập đoàn P và Công ty TNHH G đã chuyển Nhọng hết trong thời kỳ hôn nhân, tiền bán cổ phần được ông P K dùng để trả nợ và trang trải chi tiêu gia đình. Theo quy định pháp luật, việc chuyển Nhọng cổ phần không bắt buộc phải có sự đồng ý của vợ hoặc chồng nên không thể nói là ông P K tẩu tán tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định số 27/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2018 kháng nghị về phần án phí đối với bà Trần Thị Quỳnh Nh bởi lẽ căn cứ điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nh không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh Nh, nhận thấy cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ cổ phần tại Công ty cổ phần Tập đoàn P và Công ty TNHH G và cho rằng cổ phần đã bán hết nên không còn để chia là không có căn cứ. Đối với căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ nên chưa đủ cơ sở để chia theo tỉ lệ 32/68. Đối với việc ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án, cấp sơ thẩm đã vi phạm Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần tập đoàn P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Quỳnh Nh và ông P K là vợ chồng chung sống có hai con chung. Năm 2015, bà Nh và ông P K thuận tình ly hôn theo Quyết định số 132/2015/CNTT-HNGĐ-ST ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân Quận M. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số FF11Bis đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và giá trị cổ phần đứng tên ông P K tại Công ty cổ phần Tập đoàn P và Công ty TNHH G.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy Nh sau:

[4] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Quỳnh Nh yêu cầu chia số tiền 5.868.500 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần của ông P K tại Công ty TNHH G. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia số tiền 3.925.000.000 đồng tức là yêu cầu số tiền ít hơn so với ban đầu.

Tuy nhiên án sơ thẩm vẫn xác định bà Nh yêu cầu chia 5.868.500 đồng và xét yêu cầu chia số tiền này đồng thời buộc bà Nh chịu án phí tương ứng với số tiền 5.868.500 đồng không được Tòa án chấp nhận. Cùng thời điểm Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 27/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2018 kháng nghị về phần án phí đối với bà Nh, cấp sơ thẩm ra Quyết định sửa chữa, bổ sung số 06/2018/QĐ-SCBSBA ngày 24/5/2018 xác định lại số tiền bà Nh yêu cầu chia là 3.925.000.000 đồng đồng thời tính lại án phí đối với số tiền này. Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự và ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án không đúng với quy định tại Điều 268 và Điều 486 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung, đối với cổ phần tại Công ty Cổ phần tập đoàn P và Công ty TNHH G, ông P K khai bán cổ phần để trả nợ và trang trải chi tiêu gia đình. Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và không ra quyết định yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ để làm rõ ông P K bán cổ phần để trả nợ riêng hay nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời chưa làm rõ ông P K bán cổ phần để trang trải chi tiêu gia đình gồm những khoản gì, chi phí bao nhiêu vì lần chuyển Nhong cổ phần sau cùng trước thời điểm ly hôn 2 tháng là khoảng thời gian ngắn để chi tiêu số tiền lớn cũng cần phải có tài liệu chứng minh.

Do cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự sau đó ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án không đúng quy định đã vi phạm thủ tục tố tụng, đồng thời chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án nên cần hủy bản án sơ thẩm, hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung số 06/2018/QĐ-SCBSBA ngày 24/5/2018 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí là có căn cứ, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên phần án phí sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 26/4/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2018/QĐ-SCBSBA ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.\

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Quỳnh Nh không phải nộp, được hoàn lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0040755 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận M ;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên

